

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2018/DS-ST
Ngày 29 – 6 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Bằng

Ông Nguyễn Thanh Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2018/TLST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh G; cư trú tại số 10, đường P, khóm 5, phường N, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản Vũ L; trụ sở ấp A, xã Đ, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Huỳnh Văn C, chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/8/2015, ông Huỳnh Văn C đại diện Công ty TNHH thủy sản Vũ L (gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng vay của anh Trần Thanh G số tiền với hạn mức tối đa là 6.000.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng nhưng theo anh G trình bày anh cho Công ty vay nhiều lần với tổng số tiền là 5.100.000.000đ và lãi suất thực tế được tính cho từng lần nhận nợ được ghi nhận trong biên nhận giao nhận tiền có lúc là 2%/tháng, có lúc 3%/tháng chứ không phải như thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình vay, do Công ty gặp khó khăn về tài chính nên các bên thỏa thuận bằng lời về thời gian thanh toán nợ và ngày 13/01/2017, Công ty đã trả được số tiền vốn là 500.000.000đ thì ngưng. Ngày 16/01/2017, hai bên gặp nhau đối chiếu công nợ xác định Công ty còn nợ anh G số tiền là 6.130.000.000đ trong đó nợ vốn là 5.100.000.000đ (tính cả số tiền vốn đã trả ngày 13/01/2017), nợ lãi tính đến ngày

16/01/2017 là 1.030.000.000đ nên các biên nhận giao nhận tiền của từng lần nhận nợ, anh G đã trả lại cho Công ty để hủy bỏ. Do đó, anh G không có để giao nộp cho Tòa án. Đồng thời, tại thời điểm đối chiếu các bên cùng thống nhất lập văn bản thỏa thuận việc cam kết trả nợ của Công ty, theo nội dung thỏa thuận Công ty sẽ trả tiền cho anh G làm bốn lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/01/2017, Công ty sẽ trả số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (đã thực hiện xong);

Lần 2: Trước ngày 28/02/2017, Công ty sẽ trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ;

Lần 3: Trước ngày 31/3/2017, Công ty sẽ trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ;

Lần 4: Trả số tiền vốn gốc và lãi là 3.630.000.000đ Công ty sẽ trả trong vòng 24 tháng tính từ ngày 31/7/2017 đến ngày 31/7/2019.

Tuy nhiên, đến ngày 28/02/2017, Công ty không thực hiện đúng cam kết trả nợ và anh G cũng đã đòi nhiều lần nhưng Công ty vẫn không thực hiện. Tại phiên tòa, anh G yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản Vũ L trả cho anh một lần hết số tiền vốn còn nợ là 4.600.000.000đ và số tiền lãi theo thỏa thuận là 1.030.000.000đ cùng khoản lãi chậm trả tính từ ngày 01/03/2017 cho đến ngày xét xử (ngày 29/6/2018) là 15 tháng 28 ngày theo mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền vốn 4.600.000.000đ, với số tiền lãi là 732.933.000đ. Tổng các khoản anh G yêu cầu Công ty trả cho anh là 6.362.933.000đ (sáu tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Ngoài ra, anh G không yêu cầu thêm khoản nào khác. Riêng khoảng thời gian từ ngày 13/01/2017 đến ngày 28/02/2017, anh G không đặt ra yêu cầu tính lãi.

Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản Vũ L, trong thời gian giải quyết vụ án tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, song phía đại diện Công ty vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay, có thỏa thuận lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ song vẫn vắng mặt không rõ lý do, bị đơn cũng không cử người đại diện hợp pháp đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn. Đối với nguyên đơn, tuy không cung cấp được biên nhận giao nhận tiền cho từng lần nhận nợ của bị đơn nhưng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện khi vay giữa các bên có thiết lập hợp đồng vay tiền, có đối chiếu công nợ, bị đơn đã ký xác nhận vào văn bản thỏa thuận về việc thanh toán tiền vay vào ngày 16/01/2017 với nội dung thừa nhận còn nợ và cam kết trả nợ cho phía nguyên đơn là có thật nên không phải chứng minh, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 4.600.000.000đ đến nay chưa thanh toán.

Riêng phần lãi suất, theo văn bản thỏa thuận về việc thanh toán tiền vay được lập ngày 16/01/2017, thể hiện số tiền lãi bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn tính từ ngày 20/8/2015 đến ngày 16/01/2017 là 1.030.000.000đ. Mặc dù, trong hợp đồng vay thỏa thuận mức lãi suất 6%/tháng là cao so với quy định nhưng khi đối chiếu công nợ, giữa các bên không đặt ra việc điều chỉnh lãi suất mà thống nhất với nhau số tiền lãi như nêu trên. Hơn nữa, trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn biết được nội dung khởi kiện nhưng bị đơn không có ý kiến gì để phản bác hay phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, trong khi nguyên đơn không yêu cầu điều chỉnh lại số tiền lãi suất mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất với nhau và hiện nguyên đơn không còn lưu giữ các biên nhận giao nhận tiền của từng lần nhận nợ nên Hội đồng xét xử không thể xác định được thời điểm nhận nợ, mức lãi suất ghi nhận trong biên nhận giao nhận tiền để đối chiếu, điều chỉnh lại số tiền lãi mà các bên đã thỏa thuận. Do đó, cần chấp nhận số tiền lãi mà các bên thống nhất theo văn bản thỏa thuận ngày 16/01/2017.

Đối với phần lãi suất chậm trả, cũng theo văn bản thỏa thuận trên thì thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ được xác định là ngày 01/3/2017 và mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa là 1%/tháng, mức lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật dân sự nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 01/3/2017 đến ngày 29/6/2018 là 15 tháng 28 ngày với số tiền $(4.600.000.000đ \times 15 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) \times 1\% = 732.933.000đ$ được chấp nhận. Như vậy, tổng các khoản vốn và lãi, nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 6.362.933.000đ (sáu tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Riêng khoảng thời gian từ ngày 13/01/2017 đến ngày 28/02/2017, nguyên đơn không đặt ra yêu cầu tính lãi – đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí, theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu, đã nộp tiền tạm ứng án phí được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh G.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản Vũ L trả cho anh Trần Thanh G số tiền là 6.362.933.000đ (sáu tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Trần Thanh G có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản Vũ L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản Vũ L phải nộp số tiền là 114.362.933đ (một trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm ba mươi ba đồng - chưa nộp).

- Anh Trần Thanh G không phải nộp. Vào ngày 07/02/2018, anh G đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 57.065.000đ (năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000345 được trả lại toàn bộ cho anh G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân